

Tên sản phẩm: MOBIL JET OIL II
Ngày sửa đổi: 23 Tháng Giêng 2023
Trang 1 thuộc 11

BẢN THÔNG TIN AN TOÀN

MỤC 1	DANH TÍNH SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY
--------------	--------------------------------------

SẢN PHẨM

Tên sản phẩm: MOBIL JET OIL II
Mô tả sản phẩm: Các Este tổng hợp và các chất phụ gia
Mã sản phẩm.: 201550101020, 430207-00
Sử dụng đúng mục đích: Dầu nhớt máy bay, Dầu dùng cho tua bin

DANH TÍNH CÔNG TY

Nhà sản xuất / Nhà cung cấp: ExxonMobil Asia Pacific Pte. Ltd (Mã Công Ty: 196800312N)
Căn 1 Harbour Front
Số 06-00 Tòa Nhà Harbour Front Số Một 098633 Singapore

Cấp Cứu Y Tế 24/24 giờ +1 703-253-4229/+1 703-527-3887
Thông tin liên hệ tổng quát về nhà cung cấp (65) 6885 8000/86-21-24076000

Nhà cung cấp: CÔNG TY TNHH EQUATOR
146 - 148 đường Khánh Hội
Phường 6, Quận 4, Thành Phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Thông tin liên hệ tổng quát về nhà cung cấp +84 28 3940 6411

Nhà cung cấp: Công ty hữu hạn dịch vụ thương mại Nam Giang
120 đường Hoàng Hoa Thám
Phường 7, Quận Bình Thạnh
Thành Phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Thông tin liên hệ tổng quát về nhà cung cấp +84 28 7302 4500
FAX +84 28 3847 6879

Nhà cung cấp: Công ty Cổ phần Dầu khí Quốc tế PAN
53 đường Hoàng Quốc Việt
Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy
Hà Nội Việt Nam

Thông tin liên hệ tổng quát về nhà cung cấp +84 24 32123939

MỤC 2	NHẬN DIỆN CÁC MỐI NGUY HIỂM
--------------	------------------------------------

Vật liệu này được xem là nguy hiểm theo hướng dẫn quy định (xem BẢN THÔNG TIN AN TOÀN (VẬT LIỆU) Mục 15).

PHÂN LOẠI:

Tên sản phẩm: MOBIL JET OIL II

Ngày sửa đổi: 23 Tháng Giêng 2023

Trang 2 thuộc 11

Độc cho sinh sản (khả năng sinh sản): Nhóm 2.

Độc tính cấp tính đối với môi trường thủy sinh loại 2 Độc tính mãn tính đối với môi trường thủy sinh loại 2

NHÃN:

Ký hiệu:



Từ Cảnh Báo: Cảnh báo

Các Công Bố Về Mối Nguy Hiểm:

Sức Khỏe: H361: Nghi ngờ gây tổn thương cho khả năng sinh sản.

Môi trường: H411: Độc cho các thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài.

Thông Điệp Đề Phòng:

Phòng Ngừa: P201: Xin được hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng. P202: Không được thao tác nếu chưa đọc và hiểu tất cả mọi biện pháp đề phòng an toàn. P260: Không hít sương / các hơi. P273: Tránh phát tán ra môi trường. P280: Sử dụng găng tay và trang phục bảo hộ.

Đối phó: P308 + P313: NẾU bị tiếp xúc hoặc lo bị: Tìm gặp bác sĩ để được hướng dẫn/chăm sóc. P314: Tìm gặp bác sĩ để được hướng dẫn/chăm sóc nếu bạn thấy không được khỏe. P391: Thu gom lượng tràn đổ.

Bảo Quản: P405: Bảo quản khóa chặt.

Thải bỏ: P501: Thải bỏ các phần chứa bên trong và dụng cụ đựng theo các quy định của địa phương.

Chứa: TRICRESYL PHOTPHAT

Thông tin khác về mối nguy hiểm:

CÁC HIỂM HỌA VỀ MẶT VẬT LÝ/HÓA HỌC

Không có mối nguy hiểm nào đáng kể

CÁC HIỂM HỌA CHO SỨC KHỎE

Chích ép mạnh vào dưới da có thể gây tổn thương nặng. Sản phẩm này không được xem là có gây ra các tác dụng có hại cho sức khỏe trong điều kiện sử dụng bình thường với các biện pháp vệ sinh cá nhân phù hợp. Sản phẩm có thể phân hủy khi nhiệt độ tăng cao hoặc trong điều kiện đốt cháy và sinh ra các khí/hơi/khói cacbon monoxyt gây kích ứng và / hoặc độc hại. Các triệu chứng phát sinh do tiếp xúc quá nhiều với các sản phẩm phân hủy này trong khu vực kín có thể bao gồm nhức đầu, buồn nôn, kích ứng mắt, mũi, và họng.

CÁC HIỂM HỌA CHO MÔI TRƯỜNG

Không có mối nguy hiểm nào nữa.

Tên sản phẩm: MOBIL JET OIL II
Ngày sửa đổi: 23 Tháng Giêng 2023
Trang 3 thuộc 11

LƯU Ý: Không được dùng vật liệu này ngoài mục đích sử dụng được đề cập đến trong Mục 1 mà không có ý kiến của chuyên gia. Các nghiên cứu về sức khỏe cho thấy rằng việc tiếp xúc với hóa chất có thể gây ra các rủi ro tiềm ẩn cho sức khỏe con người và biểu hiện khác nhau trên mỗi người.

MỤC 3 THÀNH PHẦN CẤU TẠO / THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

Vật liệu này được định nghĩa là một hỗn hợp

(Các) Chất Nguy Hiểm hoặc (các) Chất Phức Tạp cần phải công bố

Tên	Mã số thông tin cơ bản CAS của hóa chất#	Hàm lượng Nồng độ*	Các Mã về Mối Nguy Hiểm theo GHS
1-NAPHTYLAMIN, N-PHENYL-	90-30-2	1%	H302, H317, H373, H400(M factor 1), H410(M factor 1)
9,10-ANTHRACENEDIONE, 1,4-DIHYDROXY-	81-64-1	< 0.1%	H400(M factor 10), H410(M factor 10)
TRICRESYL PHOTPHAT	1330-78-5	1 - < 3%	H361(F), H400(M factor 1), H410(M factor 1)

*Mọi nồng độ đều được tính theo phần trăm khối lượng trừ khi vật liệu là chất khí. Nồng độ các chất khí được tính theo phần trăm thể tích.

MỤC 4 CÁC BIỆN PHÁP CẤP CỨU

HÍT VÀO

Đưa ngay lập tức ra khỏi môi trường tiếp xúc. Tìm gặp y bác sĩ ngay. Đối với những người cứu hộ, tránh tiếp xúc cho cả bản thân mình hoặc cho người khác. Dùng các biện pháp thở đáng để bảo vệ đường hô hấp. Cho thở thêm Oxy, nếu có. Nếu bị ngưng thở, sử dụng máy trợ hô hấp.

TIẾP XÚC VỚI DA

Rửa các vùng bị tiếp xúc với nước và xà phòng. Cởi bỏ quần áo đã bị ô nhiễm. Giặt sạch quần áo ô nhiễm rồi mới được dùng lại. Nếu chích sản phẩm vào da hoặc dưới da, hoặc vào bất kỳ bộ phận nào của cơ thể, bất kể diện mạo hoặc kích cỡ vết thương ra sao, người đó phải được y bác sĩ nhận định ngay lập tức là trường hợp phẫu thuật cấp cứu. Dù các triệu chứng ban đầu do chích ép mạnh là có thể rất ít hoặc không có, việc điều trị phẫu thuật sớm trong vòng vài giờ đầu tiên có thể giảm đáng kể mức độ thương tật cuối cùng.

TIẾP XÚC VỚI MẮT

Súc rửa thật kỹ với nước. Nếu bị kích ứng, tìm gặp y bác sĩ.

ĂN VÀO

Tìm gặp y bác sĩ ngay lập tức. Nếu chưa có y bác sĩ chăm sóc ngay, hãy liên hệ Trung Tâm Chống Độc trong khu vực hoặc dịch vụ cứu thương chuyên nghiệp để được gây nôn hoặc được cho dùng than hoạt / si rô ipecac. Không được gây nôn hoặc đưa bất kỳ vật gì vào miệng đối với bệnh nhân đã lảo đảo hoặc bất tỉnh.

Y BÁC SĨ CẦN CHÚ Ý

Không

MỤC 5 CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

CHẤT DẬP LỬA

Tên sản phẩm: MOBIL JET OIL II
Ngày sửa đổi: 23 Tháng Giêng 2023
Trang 4 thuộc 11

Chất dập lửa phù hợp: Sử dụng nước phun sương, bột, hóa chất khô hay cacbon-di-oxýt để dập lửa.

Chất dập lửa không phù hợp: Các dòng nước thẳng

CHỮA CHÁY

Hướng dẫn chữa cháy: khu vực sơ tán. Ngăn ngừa các chất thất thoát do hoạt động chữa cháy xâm nhập vào sông rạch, cống rãnh, hoặc nguồn nước uống. Người chữa cháy phải sử dụng trang bị bảo hộ tiêu chuẩn và khi ở các khu vực kín, phải dùng thiết bị thở tự điều khiển. Dùng nước xịt làm nguội các bề mặt nóng do tiếp xúc với lửa và để bảo vệ người.

Hiểm họa cháy bất thường: Có thể sinh ra các khí/hơi/khói gây kích ứng và độc hại khi bị đốt cháy.

Các sản phẩm cháy gây nguy hiểm: Các Andehyt, Các sản phẩm cháy không hoàn toàn, Các oxýt của cacbon, Các oxýt photpho, Khói

CÁC TÍNH CHẤT GÂY CHÁY

Điểm bốc cháy [Phương pháp]: >246°C (475°F) [Tiêu chuẩn ASTM D-92]

Các giới hạn bắt cháy (xấp xỉ phần trăm theo thể tích trong không khí): Giới hạn tiếp xúc dưới:

KHÔNG XÁC ĐỊNH Giới hạn tiếp xúc trên: KHÔNG XÁC ĐỊNH

Nhiệt độ tự bốc cháy: KHÔNG XÁC ĐỊNH

MỤC 6

CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ SỰ CỐ RÒ RỈ BẤT NGỜ

CÁC QUI TRÌNH THÔNG BÁO

Trong trường hợp có sự cố tràn đổ hoặc rò rỉ, báo cáo cho các cấp có thẩm quyền liên quan theo tất cả các qui định hiện hành.

CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ

Tránh tiếp xúc với vật liệu tràn đổ. Xem Mục 5 về chữa cháy. Xem Mục Nhận Diện Các Mối Nguy Hiểm để biết về Các Hiểm Họa Quan Trọng. Xem Mục 4 về Những Điều Cần Làm Khi Cấp Cứu. Xem Mục 8 để được hướng dẫn về các yêu cầu tối thiểu của trang bị bảo hộ cá nhân. Có thể cần dùng các biện pháp bảo vệ bổ sung, tùy thuộc vào tình trạng cụ thể và/hoặc đánh giá chuyên môn của các nhân viên ứng cứu khẩn cấp.

XỬ LÝ TRÀN ĐỔ

Tràn đổ xuống đất: Chặn ngay rò rỉ nếu bạn có thể thực hiện mà không gặp rủi ro. Thu hồi bằng cách bơm hoặc bằng cách dùng chất hấp thụ thích hợp

Tràn đổ nước: Chặn ngay rò rỉ nếu bạn có thể thực hiện mà không gặp rủi ro. khoanh vùng giới hạn lượng tràn đổ ngay lập tức bằng rào phao nổi. Cảnh báo các phương thức vận chuyển khác. Loại bỏ khỏi bề mặt bằng cách hút váng hoặc dùng chất hấp thụ thích hợp. Hỏi ý kiến chuyên gia trước khi dùng các tác chất phân tán.

Các khuyến nghị trong trường hợp tràn đổ xuống nước hoặc đất là dựa trên cơ sở tình huống tràn đổ thường gặp nhất đối với vật liệu này, tuy nhiên, điều kiện địa lý, gió, nhiệt độ, (và trong trường hợp tràn đổ xuống nước) sóng và chiều dòng nước cùng tốc độ nước có thể ảnh hưởng lớn trong việc xác định hành động khắc phục cho phù hợp. Vì lý do đó, cần tham khảo ý kiến của các chuyên gia ở địa phương. Chú ý: Các qui định ở địa phương có thể mô tả hoặc giới hạn hành động khắc phục cần thực hiện.

ĐỀ PHÒNG VỀ MẶT MÔI TRƯỜNG

Lượng tràn đổ lớn: Đào mương xung quanh ngăn chặn thật sớm lượng chất lỏng tràn đổ để thu gom xử lý

Tên sản phẩm: MOBIL JET OIL II
 Ngày sửa đổi: 23 Tháng Giêng 2023
 Trang 5 thuộc 11

phục hồi hoặc loại bỏ sau này. Ngăn ngừa xâm nhập vào sông rạch, cống rãnh, tầng hầm nhà hoặc các khu vực giới hạn.

MỤC 7 THAO TÁC VÀ BẢO QUẢN

THAO TÁC

Tránh mọi tiếp xúc cá nhân. Tránh không làm tràn đổ ra ngoài những lượng nhỏ hoặc làm rò rỉ để tránh nguy cơ trượt té. Vật liệu có thể tích tĩnh điện gây ra tia lửa điện (nguồn lửa). Khi thao tác với vật liệu ở số lượng lớn, tia lửa có thể gây bốc cháy bất kỳ hơi dễ cháy nào sinh ra từ các chất lỏng hoặc cặn dư có thể đang hiện diện (ví dụ, trong các thao tác trộn lẫn các loại vật liệu khác nhau – switch loading). Sử dụng các quy trình phù hợp để kết nối và tiếp đất chống phóng điện. Tuy nhiên, kết nối và tiếp đất cũng có thể không loại bỏ được nguy cơ tích tĩnh điện. Xin tham khảo các tiêu chuẩn hiện hành của địa phương để được hướng dẫn. Các nơi có thể cung cấp tài liệu tham khảo thêm bao gồm Viện Dầu Mỏ Hoa Kỳ - American Petroleum Institute 2003 (Bảo Vệ Chống Bốc Cháy Do Tĩnh Điện, Sét Đánh và Các Dòng Điện Khác - Protection Against Ignitions Arising out of Static, Lightning and Stray Currents) hoặc Cơ Quan Bảo Vệ Chống Hỏa Hoạn Quốc Gia - National Fire Protection Agency 77 (Biện Pháp Thực Hành Nên Dùng để chống Tĩnh Điện-Recommended Practice on Static Electricity) hoặc CENELEC CLC/TR 50404 (Tĩnh điện – Quy định thực hành tránh các hiểm họa tĩnh điện [Electrostatics - Code of practice for the avoidance of hazards due to static electricity]).

Chất có khả năng tích tĩnh điện: Vật liệu này là chất có khả năng tích tĩnh điện.

BẢO QUẢN

Loại dụng cụ đựng để chứa vật liệu này có thể ảnh hưởng đến hoạt động tích và giải tĩnh điện. Không đựng trong các dụng cụ đựng hở hoặc không có nhãn. Bảo quản ở nơi khô mát và thông khí tốt. Giữ xa khỏi các vật liệu tương kỵ, ngọn lửa trần, và nhiệt độ cao. Không đựng trong các dụng cụ đựng hở hoặc không có nhãn.

MỤC 8 KIỂM SOÁT VIỆC TIẾP XÚC / BẢO HỘ CÁ NHÂN

CÁC CHỈ SỐ GIỚI HẠN TIẾP XÚC

Các chỉ số giới hạn/tiêu chuẩn tiếp xúc (Chú ý: các chỉ số giới hạn không phải là phần bổ sung)

Tên hóa chất	Dạng	Giới hạn/Tiêu chuẩn			Chú ý:	Nguồn	Năm
TRICRESYL PHOTPHAT		GIỚI HẠN TIẾP XÚC THỜI GIAN NGẮN	0.2 mg/m ³			Các Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp (OEL) của Việt Nam	2019
TRICRESYL PHOTPHAT		Nồng độ bình quân có thể tiếp xúc trong một thời gian (thường là 8 giờ)	0.1 mg/m ³			Các Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp (OEL) của Việt Nam	2019

Tên sản phẩm: MOBIL JET OIL II
Ngày sửa đổi: 23 Tháng Giêng 2023
Trang 6 thuộc 11

CHÚ Ý: Các giới hạn/tiêu chuẩn chỉ được trình bày với mục đích hướng dẫn. Tuân thủ các quy định hiện hành.

KIỂM SOÁT KỸ THUẬT

Mức độ bảo vệ và các phương pháp kiểm soát cần thiết sẽ khác nhau tùy thuộc vào các điều kiện tiếp xúc có khả năng xảy ra. Các biện pháp kiểm soát cần xem xét là:

Không có yêu cầu đặc biệt nào trong điều kiện sử dụng bình thường và có thông khí đầy đủ.

BẢO HỘ CÁ NHÂN

Việc lựa chọn thiết bị bảo hộ cá nhân thay đổi dựa trên các điều kiện tiếp xúc có thể xảy ra như khi sử dụng, thao tác, nồng độ vật liệu hoặc thông gió. Thông tin về việc lựa chọn thiết bị bảo hộ để sử dụng với vật liệu này, như được cung cấp dưới đây, là dựa trên cách sử dụng bình thường đúng mục đích.

Bảo vệ đường hô hấp: Nếu các biện pháp kiểm soát kỹ thuật không duy trì được nồng độ chất gây ô nhiễm trong không khí ở mức thích hợp để bảo vệ cho sức khỏe công nhân, nên sử dụng mặt nạ phòng độc đã được chấp thuận cho dùng thích hợp. Việc lựa chọn, sử dụng, và bảo trì mặt nạ phòng độc phải tuân theo các yêu cầu qui định nếu có. Các kiểu mặt nạ phòng độc cần xem xét sử dụng cho vật liệu này bao gồm:

Thông thường không cần phải có biện pháp bảo vệ nào trong các điều kiện sử dụng bình thường và có thông khí đầy đủ.

Đối với trường hợp nồng độ trong không khí cao, dùng mặt nạ phòng độc cấp khí đã được chấp thuận sử dụng, hoạt động ở chế độ áp suất dương. Mặt nạ phòng độc cấp khí có bình thoát khí có thể thích hợp trong trường hợp lượng Oxy không đủ, thông tin về tính chất độc hại cần lưu ý của chất khí / hơi không đầy đủ, hoặc nếu tốc độ / năng lực tinh lọc không khí kém không đáp ứng nổi

Bảo vệ tay: Thông tin cụ thể về găng tay được cung cấp dựa theo tài liệu công bố và dữ liệu của nhà sản xuất găng tay. Điều kiện làm việc có thể ảnh hưởng rất nhiều đến độ bền của găng tay; kiểm tra và thay thế các găng tay đã hư hỏng hoặc đã mòn. Các kiểu găng tay cần xem xét sử dụng cho vật liệu này bao gồm:

Nên sử dụng găng tay chống hóa chất. Nếu phải tiếp xúc với phần căng tay, nên sử dụng loại găng tay kiểu găng dài. Nitril

Bảo vệ mắt: Nếu có khả năng bị tiếp xúc, nên dùng kính bảo hộ có gờ chắn kín.

Bảo vệ da và cơ thể: Mọi thông tin cụ thể về trang phục bảo hộ được cung cấp dựa theo tài liệu công bố hoặc dữ liệu của nhà sản xuất. Các kiểu trang phục bảo hộ cần xem xét sử dụng với vật liệu này bao gồm:

Nên sử dụng quần áo chống hóa chất / dầu.

Các biện pháp vệ sinh riêng: Luôn giám sát việc thực hiện tốt các biện pháp vệ sinh cá nhân, như rửa sạch sau khi làm việc với vật liệu và trước khi ăn, uống, và/hoặc hút thuốc. Thường xuyên giặt quần áo và các thiết bị bảo hộ cho sạch các chất gây ô nhiễm. Vứt bỏ quần áo, giày dép đã bị ô nhiễm không thể giặt sạch được. Thực hiện quản lý tốt việc giữ gìn vệ sinh

KIỂM SOÁT VỀ MẬT MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các quy định môi trường hiện hành hạn chế việc phóng thích ra không khí, nước và đất. Bảo vệ môi trường bằng cách áp dụng những biện pháp kiểm soát thích hợp để ngăn chặn hoặc hạn chế việc phát thải.

Tên sản phẩm: MOBIL JET OIL II
Ngày sửa đổi: 23 Tháng Giêng 2023
Trang 7 thuộc 11

MỤC 9 TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Lưu ý: Các tính chất lý hóa được cung cấp chỉ nhằm mục đích xem xét về an toàn, sức khỏe và môi trường mà thôi, chúng không thể hiện đầy đủ các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm. Xin liên lạc với Nhà Cung Cấp để tìm hiểu thêm.

THÔNG TIN TỔNG QUÁT

Trạng thái vật lý: Chất lỏng
Màu: Màu hổ phách
Mùi: Đặc điểm
Ngưỡng phát hiện mùi: KHÔNG XÁC ĐỊNH

THÔNG TIN QUAN TRỌNG VỀ SỨC KHỎE, AN TOÀN, VÀ MÔI TRƯỜNG

Tỷ trọng (ở 15 °C): 1
Khả năng cháy (Rắn, Khí): KHÔNG ÁP DỤNG
Điểm bốc cháy [Phương pháp]: >246°C (475°F) [Tiêu chuẩn ASTM D-92]
Các giới hạn bắt cháy (xấp xỉ phần trăm theo thể tích trong không khí): Giới hạn tiếp xúc dưới: KHÔNG XÁC ĐỊNH
Giới hạn tiếp xúc trên: KHÔNG XÁC ĐỊNH
Nhiệt độ tự bốc cháy: KHÔNG XÁC ĐỊNH
Điểm sôi / Phạm vi: KHÔNG XÁC ĐỊNH
Nhiệt độ phân hủy: KHÔNG XÁC ĐỊNH
Tỷ khối hơi (không khí = 1): KHÔNG XÁC ĐỊNH
Áp suất hơi: [N/D at 20 °C]
Tốc độ bay hơi (n-butyl axetat = 1): KHÔNG XÁC ĐỊNH
pH: KHÔNG ÁP DỤNG
Log Pow (hệ số phân tách n-Octanol/nước): KHÔNG XÁC ĐỊNH
Khả năng tan trong nước: Không đáng kể
Độ nhớt: 27.6 CentiStoke (27.6 mm²/giây) ở 40 °C | 5.1 CentiStoke (5.1 mm²/giây) ở 100°C
Các Tính Chất Oxy Hóa: Xem phần Nhận Diện Các Mối Nguy Hiểm.

THÔNG TIN KHÁC

Điểm đông: KHÔNG XÁC ĐỊNH
Điểm nóng chảy: KHÔNG ÁP DỤNG
Nhiệt độ rót: -59°C (-74°F)

MỤC 10 ĐỘ BỀN VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

ĐỘ BỀN: Vật liệu ổn định trong các điều kiện bình thường.

CÁC ĐIỀU KIỆN CẦN TRÁNH: Nhiệt dư

CÁC VẬT LIỆU CẦN TRÁNH: Chất Oxy hóa mạnh

CÁC SẢN PHẨM PHÂN HỦY GÂY NGUY HIỂM: Vật liệu không phân hủy ở nhiệt độ môi trường.

KHẢ NĂNG XẢY RA CÁC PHẢN ỨNG NGUY HIỂM: Quá trình polyme hóa sẽ không xảy ra

MỤC 11 THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

THÔNG TIN VỀ CÁC TÁC DỤNG ĐỘC

Tên sản phẩm: MOBIL JET OIL II
 Ngày sửa đổi: 23 Tháng Giêng 2023
 Trang 8 thuộc 11

Nhóm nguy hiểm	Kết luận / Nhận xét
Hít phải	
Độ độc cấp tính: Không có dữ liệu điểm cuối cho vật liệu này.	Rất ít độc hại. Dựa trên việc đánh giá các thành phần
Kích ứng: Không có dữ liệu điểm cuối cho vật liệu này.	Rủi ro rất thấp ở nhiệt độ môi trường hoặc nhiệt độ làm việc bình thường.
Ăn vào	
Độ độc cấp tính: Không có dữ liệu điểm cuối cho vật liệu này.	Rất ít độc hại. Dựa trên việc đánh giá các thành phần
Da	
Độ độc cấp tính: Không có dữ liệu điểm cuối cho vật liệu này.	Rất ít độc hại. Dựa trên việc đánh giá các thành phần
Ấn Mòn Da/Kích ứng: Không có dữ liệu điểm cuối cho vật liệu này.	Kích ứng da với mức độ rất nhỏ ở nhiệt độ môi trường. Dựa trên việc đánh giá các thành phần
Mắt	
Tổn Thương Mất Nghiêm Trọng/Kích ứng: Không có dữ liệu điểm cuối cho vật liệu này.	Có thể gây khó chịu nhẹ cho mắt trong thời gian ngắn. Dựa trên việc đánh giá các thành phần
Gây mẫn cảm	
Gây Mẫn Cảm Đường Hô Hấp: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này.	Không được xem là chất gây mẫn cảm đường hô hấp.
Gây Mẫn Cảm Da: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này.	Không được xem là chất gây mẫn cảm da. Dựa trên việc đánh giá các thành phần
Sặc vào phổi: Dữ liệu có sẵn.	Không được xem là có hiểm họa sặc vào phổi. Dựa trên các tính chất lý-hóa của vật liệu.
Khả Năng Gây Đột Biến Tế Bào Mầm: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này.	Không được xem là chất gây đột biến tế bào mầm. Dựa trên việc đánh giá các thành phần
Khả năng gây ung thư: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này.	Không được xem là gây ung thư. Dựa trên việc đánh giá các thành phần
Độc Tính Sinh Sản: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này.	Chứa một chất có thể là chất độc sinh sản. Dựa trên việc đánh giá các thành phần
Thời kỳ cho con bú: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này.	Không được xem là gây hại cho trẻ đang bú mẹ.
Độc Tính Cơ Quan Mục Tiêu Cụ Thể (STOT)	
Tiếp Xúc Một Lần: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này.	Không được xem là gây tổn thương cho cơ quan khi tiếp xúc một lần.
Tiếp Xúc Lặp Lại: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này.	Chứa một chất có thể gây tổn thương cho các cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc nhiều lần. Dựa trên việc đánh giá các thành phần

ĐỘC TÍNH CHO CÁC CHẤT

TÊN	ĐỘ ĐỘC CẤP TÍNH
1-NAPHTYLAMIN, N-PHENYL-	Khả Năng Gây Tử Vong Qua Miệng: LD50 1625 mg/kg (Chuột (rat))

THÔNG TIN KHÁC

Cho bản thân sản phẩm.:

Cơ Quan Mục Tiêu Có Tiếp Xúc Lặp Lại: Máu, Thận

Hàm lượng của các thành phần trong công thức này không được xem là sẽ gây nhạy da, căn cứ trên kết quả thử nghiệm của thành phần, công thức này, hoặc công thức tương tự.
 Một tài liệu báo cáo về một dầu động cơ phản lực gốc có chứa tri-cresyl phosphate (TCP) với hàm lượng các chất đồng

Tên sản phẩm: MOBIL JET OIL II

Ngày sửa đổi: 23 Tháng Giêng 2023

Trang 9 thuộc 11

phân của ortho-phenol cao hơn hẳn hàm lượng của chúng trong sản phẩm ExxonMobil này đã lưu ý về tác dụng gây tổn thương chậm của nó cho hệ thần kinh ngoại vi trong các thử nghiệm trên động vật. Một công trình nghiên cứu hiện nay về Dầu Động Cơ Phản Lực ExxonMobil với công thức có hàm lượng đồng phân ortho-phenol tương đối thấp cho thấy không gây ra bất kỳ tổn thương nào cho hệ thần kinh ngoại vi trong các nghiên cứu thử nghiệm trên động vật. Tiếp xúc qua miệng của chuột (rat) với dầu động cơ phản lực gốc chứa 3% một sản phẩm aryl phosphat thương mại đã không thấy có tác dụng trên các kết cục về sinh sản của chuột đực (trọng lượng cơ quan, mô học, hình thái hoặc khả năng di chuyển của tinh trùng).

Chứa:

N-phenyl-1-naphthylamine (PAN): Tiếp xúc qua miệng một lần có thể sẽ dẫn đến các dấu hiệu/triệu chứng lâm sàng tím tái, nhức đầu, thờ nông, chóng mặt, lú lẫn, huyết áp thấp, co giật, hôn mê, hoặc vàng da. Huyết niệu có thể sẽ xảy ra do bàng quang và thận bị kích ứng, và có thể sẽ bị thiếu máu sau đó. Tiếp xúc lặp lại ở động vật thí nghiệm gây tổn thương gan và thận và hoạt động của tủy xương bị ức chế. PAN chưa pha loãng là chất gây mẫn cảm da. Thử nghiệm các chất bôi trơn chứa 1.0% PAN trên người không thấy có phản ứng thể hiện tình trạng bị mẫn cảm. Tricresyl phosphat (TCP): Cho chuột (rat) ăn TCP (<9% đồng phân ortho) qua ống thông dạ dày trong một nghiên cứu về độc tính sinh sản/tăng trưởng một thế hệ đã gây ra những tác dụng bất lợi cho cả con đực và con cái. Các con chuột (rat) đực được cho dùng TCP đã bị giảm nồng độ và khả năng di chuyển của tinh trùng, hình thái tinh trùng bất thường, và các thay đổi bất lợi về mô học ở tinh hoàn và mào tinh hoàn. Các thay đổi bất lợi về mô học cũng được quan sát thấy ở buồng trứng của những con chuột (rat) cái đã cho dùng TCP. Phần trăm con cái đậu thai để được con đã giảm đáng kể ở nhóm được cho dùng TCP với chỉ một con duy nhất trong hai mươi con cái trong nhóm sử dụng liều cao để được con. Các thông số về tăng trưởng không bị ảnh hưởng khi tiếp xúc với TCP. Suy giảm khả năng sinh sản và tinh trùng bị giảm khả năng di chuyển sau khi dùng TCP cũng đã được báo cáo trong một cuộc nghiên cứu về độc tính sinh sản trên chuột (mouse).

Phân loại của CƠ QUAN NGHIÊN CỨU UNG THƯ CỦA TỔ CHỨC Y TẾ THẾ GIỚI:**Các thành phần sau được trích dẫn vào các danh mục dưới đây:** Không.**--CÁC QUY ĐỊNH CẦN TÌM--**1 = CƠ QUAN NGHIÊN CỨU
UNG THƯ CỦA TỔ CHỨC Y TẾ
THẾ GIỚI 12 = CƠ QUAN NGHIÊN CỨU
UNG THƯ CỦA TỔ CHỨC Y TẾ
THẾ GIỚI 2A3 = CƠ QUAN NGHIÊN CỨU
UNG THƯ CỦA TỔ CHỨC Y TẾ
THẾ GIỚI 2B**MỤC 12****THÔNG TIN VỀ SINH THÁI**

Thông tin đã nêu được dựa theo dữ liệu của vật liệu, thành phần của vật liệu, hoặc vật liệu tương tự, bằng cách áp dụng các nguyên lý bậc cầu.

ĐỘC TÍNH VỀ MẶT SINH THÁI

Vật liệu -- Không được xem là có hại cho thủy sinh vật

Vật liệu -- Không được xem là có gây ra các tác hại lâu dài cho thủy sinh vật.

THÔNG TIN VỀ SINH THÁI**Độc tính sinh thái**

Kiểm tra – thử nghiệm	Khoảng thời gian	Loại sinh vật	Kết quả kiểm tra - thử nghiệm
Dưới nước - Độc tính lâu dài	21 ngày	Bọ nước Daphnia magna	Kết quả là không quan sát thấy bất kỳ mức độ tác dụng nào xảy ra. 1 mg/l

Tên sản phẩm: MOBIL JET OIL II
Ngày sửa đổi: 23 Tháng Giêng 2023
Trang 10 thuộc 11

MỤC 13 XEM XÉT VỀ VIỆC THẢI BỎ

Các khuyến nghị việc thải bỏ dựa trên tài liệu như đã được cung cấp. Việc thải bỏ phải tuân theo các quy định và luật pháp hiện hành đang áp dụng, và đặc tính của vật liệu vào lúc thải bỏ.

KHUYẾN NGHỊ VỀ VIỆC THẢI BỎ

Thải bỏ chất thải bằng phương tiện xử lý & thải bỏ phù hợp với các luật lệ và quy định hiện hành, và đặc tính của sản phẩm vào thời điểm thải bỏ. Bảo vệ môi trường. Thải bỏ dầu đã qua sử dụng tại nơi quy định. Giảm tiếp xúc với da đến mức tối thiểu. Không trộn lẫn dầu đã qua sử dụng với các dung môi, dầu thắng hoặc chất làm nguội. Sản phẩm thích hợp dùng để đốt trong lò kín có kiểm soát để làm nhiên liệu hoặc thải bỏ bằng cách đốt cháy có giám sát.

Cảnh báo về bình chứa rỗng NỘI DUNG NHÃN ĐỀ PHÒNG: Bình chứa rỗng có thể vẫn còn cặn dư và có thể gây nguy hiểm. KHÔNG ÉP, CẮT, HẤN, KHOAN, MÀI HOẶC ĐỂ CÁC BÌNH CHỨA TIẾP XÚC VỚI NHIỆT, LỬA, TIA LỬA ĐIỆN, MÔI TRƯỜNG TÍNH ĐIỆN, HOẶC CÁC NGUỒN GÂY CHÁY; CHÚNG CÓ THỂ NỔ VÀ GÂY THƯƠNG TẬT HOẶC TỬ VONG. Đừng cố gắng tái nạp hoặc làm sạch bình chứa đựng vì cặn dư rất khó loại bỏ. Các phụ sử dụng xong phải được tháo xả cho hết hoàn toàn, bịt kín đúng cách và lập tức chuyển trả cho nơi tu sửa phục hồi phụ. Mọi bình chứa phải được thải bỏ theo cách an toàn đối với môi trường và phù hợp với các qui định của chính quyền.

MỤC 14 THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

ĐẤT : Không được qui định cho việc vận chuyển bằng đường bộ

Qui định về vận chuyển đường biển đối với các hàng hóa gây nguy hiểm (IMDG): Không được qui định cho việc vận chuyển bằng đường biển theo IMDG

Chất gây ô nhiễm biển: Không

AIR (IATA): Không được qui định cho việc vận chuyển bằng máy bay

MỤC 15 THÔNG TIN QUI ĐỊNH

Vật liệu này được xem là nguy hiểm theo Luật Hóa Chất.

TÌNH TRẠNG QUI ĐỊNH VÀ CÁC LUẬT VÀ QUI ĐỊNH HIỆN HÀNH

Được nêu hoặc được miễn nêu/thông báo trong các danh mục hóa chất sau đây :

AIIC, DSL, IECSC, KECI, TCSI, TSCA

Các trường hợp đặc biệt:

Danh Mục	Tình Trạng
PICCS	Các Giới Hạn Được Áp Dụng

MỤC 16 THÔNG TIN KHÁC

Tên sản phẩm: MOBIL JET OIL II
Ngày sửa đổi: 23 Tháng Giêng 2023
Trang 11 thuộc 11

N/D = không xác định, N/A = không áp dụng

DIỄN GIẢI CÁC MÃ HIỂM HỌA (H-CODE) NẾU TÀI MỤC 3 CỦA TÀI LIỆU NÀY (chỉ dùng để tham khảo):

H302: Có hại khi nuốt phải; Độc Cấp Tính Qua Miệng, Nhóm 4
H317: Có thể gây phản ứng dị ứng da; Gây Mẩn Cầm Da, Nhóm 1
H361(F): Nghi ngờ gây tổn thương cho khả năng sinh sản; Độc Cho Sinh Sản, Nhóm 2 (Khả Năng Sinh sản)
H373: Có thể gây tổn thương cho các cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc nhiều lần; Cơ Quan Đích, Nhiều Lần, Nhóm 2
H400: Rất độc cho các thủy sinh vật; Độc Cấp Tính Cho Môi Trường, Nhóm 1
H410: Rất độc cho các thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài; Độc Lâu Dài Cho Môi Trường, Nhóm 1

BẢN THÔNG TIN AN TOÀN (VẬT LIỆU) NÀY CÓ CHỨA CÁC PHẦN SỬA ĐỔI SAU:

CÔNG TY TNHH EQUATOR: Mục 01: Địa chỉ gửi thư của nhà cung cấp thông tin đã được sửa.
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Giang): Mục 01: Địa chỉ gửi thư của nhà cung cấp thông tin đã được xóa.
Công ty hữu hạn dịch vụ thương mại Nam Giang: Khu vực 01: địa chỉ gửi thư của nhà cung cấp đã bổ sung thông tin.
Công ty Cổ phần Dầu khí Quốc tế PAN: Mục 01: Địa chỉ gửi thư của nhà cung cấp thông tin đã được sửa.
Phân Loại Môi Trường theo GHS đã bổ sung thông tin.
Hiểm Họa Môi Trường Theo GHS đã bổ sung thông tin.
Ký Hiệu Môi Trường theo GHS đã bổ sung thông tin.
Tiêu Ngữ Đề Phòng GHS – Phòng Ngừa thông tin đã được sửa.
Tiêu Ngữ Đề Phòng GHS – Ứng Phó thông tin đã được sửa.
Nhận diện các mối nguy hiểm: Mối nguy hiểm vật lý/hóa học thông tin đã được sửa.
Mục 04: Sơ cấp cứu khi hít phải thông tin đã được sửa.
Mục 08: Các Tiêu Chuẩn CEN (Ủy Ban Tiêu Chuẩn Hóa Châu Âu) về đường hô hấp thông tin đã được xóa.

Thông tin và các khuyến nghị trong tài liệu này, theo sự hiểu biết và tin tưởng nhất của ExxonMobil's, là chính xác và đáng tin cậy tính đến thời gian phát hành. Bạn có thể liên hệ ExxonMobil để được chắc chắn rằng tài liệu này là tài liệu gần đây nhất của ExxonMobil. Thông tin và các khuyến nghị được cung cấp cho người sử dụng để kiểm tra và xem xét. Trách nhiệm của người sử dụng là tự quyết định xem sản phẩm có phù hợp với mục đích sử dụng hay không. Nếu người mua đóng gói lại sản phẩm này, thì trách nhiệm của người sử dụng là phải bảo đảm các tài liệu hướng dẫn phù hợp về sức khỏe, an toàn và các thông tin cần thiết khác phải được kèm theo với và/hoặc trên bình chứa. Các cảnh báo phù hợp và các qui trình thao tác an toàn phải được cung cấp cho người thao tác và người sử dụng. Nghiêm cấm sửa đổi tài liệu này. Ngoại trừ trường hợp pháp luật yêu cầu, việc tái xuất bản hoặc tái chuyển tải tài liệu này, một phần hay toàn bộ, là không được phép. Thuật ngữ "ExxonMobil" được sử dụng cho mục đích tiện lợi, và có thể bao gồm bất kỳ một hoặc nhiều các thuật ngữ ExxonMobil Chemical, ExxonMobil Corporation, hoặc bất kỳ các công ty thành viên nào mà các công ty này gián tiếp hoặc trực tiếp có quyền lợi liên quan

DGN: 2003056XVN (552669)